

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số **135/2024/DS-ST**

Ngày 24/9/2024

“V/v Yêu cầu đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- TỈNH QUẢNG NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Công Min.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hoàng và bà Nguyễn Thị Liên.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga- thư ký TAND huyện T.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan-
Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2024, tại trụ sở TAND huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2021/TLST-DS ngày 20/10/2021 về *“Yêu cầu đòi lại tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-DS ngày 26/4/2024 giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Ông Trần Công L, sinh năm 1973, địa chỉ tổ 5, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Trần Thị D, sinh năm 1989, thuộc Công ty luật TNHH MZI LAWYERS, địa chỉ số 17 Nguyễn Xuân Nhĩ, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2-Bị đơn: Bà Hồ Thị Kim P, sinh năm 1986, địa chỉ tổ 07, thôn H, xã B, huyện T, Quảng Nam.

3-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

-Ông Trần Văn C (tên gọi khác Trung), sinh năm 1972, địa chỉ tổ 4, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

-Ông Phan Văn H, sinh năm 1970, địa chỉ thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

-Ông Trần Công S, sinh năm 1976, địa chỉ tổ 6, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

-Ông Bùi Văn C, sinh năm 1994, địa chỉ tổ 6, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

-Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975, địa chỉ thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

-Ông Trương Công D, sinh năm 1981, địa chỉ thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

4-Những người làm chứng: Bà Lê Thị T, sinh năm 1987, địa chỉ số 152, đường Điện Biên Phủ, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện nguyên đơn, bị đơn, ông Trần Văn C, ông Bùi Văn C và ông Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa. Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]-Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Trần Công L là chủ tàu cá biển hiệu Qna-958.69-TS theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 0001/2011/GCNDK do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Nam cấp ngày 25/01/2011 và Giấy phép khai thác thủy sản số 0877/2020/Qna-GPKTTS.

Năm 2020, ông Trần Công L có rủ các ông Trần Văn C, Trần Công S, Bùi Văn C, Nguyễn H và Trương Công D cùng góp vốn (gọi là tổ thuyền) để hoạt động đánh bắt, khai thác thủy sản. Mỗi phần góp 49.000.000đ. Việc góp vốn chỉ thỏa thuận miệng và việc ăn chia lợi nhuận được thực hiện theo phong tục của ngư dân địa phương.

Trong quá trình hoạt động, tổ thuyền thống nhất cử: Ông Trương Công L làm tổ trưởng, có trách nhiệm quản lý toàn bộ hoạt động của tổ như mua sắm thiết bị, nhiên liệu, nhu yếu phẩm, phân bổ lợi nhuận... Bà Hồ Thị Kim P là vợ ông Trương Công D làm thủ quỹ, có trách nhiệm quản lý quỹ, theo dõi thu chi, ghi chép sổ sách, tổng hợp doanh thu và hàng tháng chi trả tiền lợi nhuận cho các thành viên của tổ thuyền.

Tháng 8/2021, ông Trương Công D không tiếp tục tham gia tổ thuyền, sau đó tổ thuyền tiến hành kết sổ thì bà Hồ Thị Kim P còn giữ của tổ thuyền số tiền 135.000.000đ. Trường hợp bà P đồng ý trả lại số tiền đang quản lý thì ông L sẽ thôi trả cho ông D số tiền vốn góp là 60.000.000đ và tiền lợi nhuận trong hai tháng là 6.500.000đ. Nếu bà P không đồng ý trả tiền thì yêu cầu Tòa án buộc bà P phải trả đủ số tiền 135.000.000đ để ông L trả các khoản nợ của tổ thuyền.

[2]-Ý kiến của bị đơn:

Bà Hồ Thị Kim P thống nhất với ý kiến của ông Trần Công L về việc góp vốn để thành lập tổ thuyền hoạt động đánh bắt, khai thác hải sản; bà P được các thành

viên cử làm thủy quỹ phụ trách việc quản lý thu chi tiền của tổ thuyền. Bà P thừa nhận còn giữ của tổ thuyền số tiền quỹ 135.000.000đ. Tuy nhiên vợ chồng bà P có góp 60.000.000đ để mua ghe và trong hai tháng ông D không đi biển nên yêu cầu trả số 6.500.000đ; từ năm 2021 đến nay tàu vẫn hoạt động bình thường nên số tiền lợi nhuận trong khoảng thời gian trên là 158.000.000đ. Số tiền quỹ bà P quản lý được khấu trừ vào số tiền vợ chồng bà được nhận từ các khoản trên nên bà P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

[3]-*Ý kiến của ông Trần Văn C (tức Trung)*: Năm 2020, ông Trần Văn C có góp vốn vào tổ thuyền khai thác hải sản với tàu của ông Trần Công L. Số tiền mỗi phần góp là 49.230.000đ. Tổ góp vốn chia làm 6,5 phần, trong đó ông L góp 1,5 phần. Quá trình hoạt động ông C đã ứng số tiền 21.000.000đ. Đến nay ông C không tham gia tổ thuyền nữa và ông L đã thối trả cho ông C 49.230.000đ. Do vậy, ông C không còn quyền lợi liên quan đến tổ thuyền.

[4]-*Ý kiến của ông Phan Văn H*: Ông Phan Văn H làm công cho tổ thuyền của ông Trần Công L làm chủ tàu, bà Hồ Thị Kim P làm thủ quỹ. Quá trình làm công, ông H có ứng của bà P 8.000.000đ.

[5]-*Ý kiến của ông Trần Công S*: Ông Trần Công S có góp vốn tham gia tổ thuyền với ông Trần Công L và hiện nay vẫn còn tham gia tổ góp vốn. Trong thời gian hoạt động của tổ, ông S có ứng của bà P 20.000.000đ.

[6]-*Ý kiến của ông Bùi Văn C*: Ông Bùi Văn C có tham gia tổ thuyền để khai thác hải sản của ông Trần Công L. Tổng số tiền cả tổ góp là 320.000.000đ. Ông C có ứng của bà P 28.000.000đ.

[7]-*Ý kiến của ông Nguyễn Văn H*: Ông Nguyễn Văn H có tham gia tổ thuyền để khai thác hải sản của ông Trần Công L. Tổng số tiền cả tổ góp là 320.000.000đ. Ông C có ứng của bà P 25.000.000đ. Ông H thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông L.

[8]-*Ý kiến của ông Trương Công D*: Năm 2020, ông Trương Công D có góp 60.000.000đ để tham gia tổ thuyền của ông Trần Công L. Mọi việc quản lý thu chi của tổ góp vốn do vợ ông D là bà Hồ Thị Kim P chịu trách nhiệm. Hiện nay ông D thống nhất với ý kiến của bà P khi tham gia giải quyết vụ án.

[6]-*Ý kiến của kiểm sát viên*:

TAND huyện T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu được đảm bảo. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]-Về quan hệ pháp luật, tài sản tranh chấp và quyền khởi kiện của nguyên đơn:

1.1- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Năm 2020, các ông Trần Công L, Trương Công D, Trương Công S, Bùi Văn C, Trần Văn C và Nguyễn Văn H cùng góp vốn để thành lập tổ thuyền khai thác hải sản. Tổ do ông Trần Công L là chủ tàu Qna-958.69-TS là tổ trưởng và bà Hồ Thị Kim P là vợ ông Trương Công D làm thủ quỹ. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa bà Hồ Thị Kim P thừa nhận còn quản lý tiền quỹ của tổ thuyền. Ông Trần Công L yêu cầu bà P trả số tiền đang quản lý. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Yêu cầu trả lại tài sản”.

1.2-Tài sản tranh chấp: Trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện của ông Trần Công L và bà Hồ Thị Kim P đều thừa nhận số tiền quỹ bà P còn quản lý là 135.000.000đ. Vì vậy số tiền các bên tranh chấp mà Hội đồng xét xử xem xét giải quyết là 135.000.000đ.

1.3-Quyền khởi kiện của nguyên đơn: Ông Trần Công L là chủ tàu Qna-958.69-TS. Ông L là tổ trưởng tổ thuyền, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của tổ, quyết định cho các thành viên tham gia hoặc rút vốn của tổ. Do vậy ông L có quyền khởi kiện vụ án có liên quan đến tiền đóng góp của các thành viên tổ thuyền.

[2]-Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, người đại diện cho ông Trần Công L và bà Hồ Thị Kim P thống nhất khoản tiền bà P quản lý 135.000.000đ. Do vậy căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc bà P trả lại cho ông L số tiền quỹ đang quản lý là 135.000.000đ.

Đối với yêu cầu của bà Hồ Thị Kim P về việc khấu trừ số tiền 60.000.000đ góp vốn vào tổ thuyền, số tiền thu nhập mà chủ tàu phải trả cho ông Trương Công D từ khi không tham gia tổ cho đến nay, do ông D không có yêu cầu độc lập, bà P không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông D và bà P có yêu cầu thì được giải thì được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5]-Về án phí: Bà Hồ Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Trần Công L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, tuyên xử:

[1]-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công L, buộc bà Hồ Thị Kim P trả lại cho ông Trần Công L số tiền 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng y).

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, bà Hồ Thị Kim P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải trả theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị Kim P phải chịu 6.750.000 (Sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Công L 5.307.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005559 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[3]-Về quyền kháng cáo: Ông Trần Công L, bà Hồ Thị Kim P, ông Trần Văn C, ông Bùi Văn C và ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/9/2024). Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

[4]- Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Qnam

-VKSND huyện T

-Chi cục THADS T

-Những người tham gia tố tụng

-Lưu HS, VP

Nguyễn Công Min

